

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2023/KDTM-ST
Ngày 15-8-2023

“ V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa
Ngân hàng với Công ty GDH QT”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Dưỡng và ông Nguyễn Như Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2023/TLST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng M; địa chỉ: 25 Bis N, Phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Lê AV – Phó phòng Khách hàng Doanh nghiệp thuộc Ngân hàng M- Chi nhánh Quảng Trị (theo văn bản ủy quyền số 195/2023/UQ-TT.XLN ngày 06/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng M).

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV GDH; Địa chỉ: Tk4, thị trấn AT, h TP, tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là Công ty). Người đại diện theo pháp luật của Công ty bà Hoàng Thị Hn – Giám đốc Công ty, bà Hoàng Thị Hn có ý kiến đề nghị xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Kim H, sinh năm 1985 và bà Hoàng Thị Hn, sinh năm 1981; Điều cư trú tại: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Ông Trần Kim H vắng mặt lần thứ hai, bà Hoàng Thị Hn có ý kiến đề nghị xử vắng mặt.

+ Ông Trần Kim D, sinh năm 1987; Cư trú tại: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2023, văn bản trình bày ngày 01/6/2023, ngày 14/8/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngân hàng M đã cho Công ty TNHH Một thành viên Gổ Đức Hùng Quảng Trị vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 20044/22MB/HĐTD ngày 13/07/2022, với các nội dung cụ thể như sau: Số tiền mở hạn mức tín dụng: 2.800.000.000 đồng

(Hai tỷ tám trăm triệu đồng). Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 13/07/2022 đến ngày 13/07/2023). Phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, Lãi trả hàng tháng theo các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 14/07/2022; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 19/07/2022; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 21/07/2022; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN04 ngày 22/07/2022. Lãi suất vay: Được quy định theo nội dung của các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nêu trên với mức lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi quá hạn 13,5%. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong thị trường cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Tính đến ngày 15/08/2023, Công ty TNHH Một thành viên GDH còn nợ Ngân hàng M- Chi nhánh Quảng Trị các khoản sau: Nợ gốc: 2.619.998.951 đồng; nợ lãi trong hạn: 16.881.749 đồng; nợ lãi quá hạn: 199.945.596 đồng (trong đó: tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là: 199.001.026 đồng, lãi chậm trả lãi: 944.570 đồng). Tổng cộng: 2.836.826.296 đồng, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số 20044/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 14/07/2022: Số tiền vay vốn : 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Ngày vay vốn 14/07/2022, ngày đến hạn 16/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 16/01/2023. Do quá hạn nên vào ngày 01/02/2023, ngân hàng đã thu trên tài khoản công ty số tiền là 589 đồng tiền gốc và đến ngày 01/03/2023, ngân hàng đã thu trên tài khoản của công ty 460 đồng tiền gốc. Tổng số tiền gốc đã thu là 1.049 đồng. Số tiền gốc của khoản vay này còn lại là 999.998.951 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 15/01/2023 là: $1.000.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 21 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 5.178.081 \text{ đồng}$. Khoản tiền lãi này ngân hàng đã thu trên tài khoản công ty vào ngày 16/01/2023 với số tiền đã thu là: 329.209 đồng. Số tiền lãi trong hạn còn lại: 4.848.872 đồng. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 16/01/2023 đến ngày 31/01/2023 là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 16 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 5.917.808 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023 là: $999.999.411 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 28 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 10.356.158 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/03/2023 đến 15/08/2023 là: $999.998.951 \times 13,5\% \times 167 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 61.767.058 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi quá hạn gốc: 78.041.025 đồng. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 16/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $4.848.872 \text{ đồng} \times 10\% \times 211 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 280.305 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 83.170.202 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 19/07/2022: Số tiền vay vốn: 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng). Ngày vay vốn 19/07/2022, ngày đến hạn 19/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 19/01/2023. Số tiền gốc của khoản vay này còn đang quá hạn là 380.000.000 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 18/01/2023 là: $380.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 2.248.767 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 19/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $380.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 208 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 29.233.973 \text{ đồng}$. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 19/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: 2.248.767

đồng x 10% x 208 ngày/365 ngày = 128.149 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 31.610.889 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 21/07/2022: Số tiền vay vốn: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngày vay vốn 21/07/2022, ngày đến hạn 27/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 27/01/2023. Số tiền gốc của khoản vay này còn đang quá hạn là 600.000.000 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/01/2023 là: $600.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 32 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 4.734.247 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $600.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 200 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 44.383.562 \text{ đồng}$. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $4.734.247 \text{ đồng} \times 10\% \times 200 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 259.411 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 49.377.220 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN04 ngày 22/07/2022: Số tiền vay vốn: 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày vay vốn 22/07/2022, ngày đến hạn 27/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 27/01/2023. Số tiền gốc của khoản vay này còn đang quá hạn là 640.000.000 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn : từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/01/2023 là: $640.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 32 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 5.049.863 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $640.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 200 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 47.342.466 \text{ đồng}$. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $5.049.863 \text{ đồng} \times 10\% \times 200 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 276.705 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 52.669.034 đồng.

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba là vợ chồng ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn, cụ thể tài sản thế chấp như sau:

- Ông H và bà Hn thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT906678, số vào sổ cấp GCN: CS00093 do Sở TN&MT Quảng Trị cấp ngày 04/06/2020 cập nhật biến động sang tên ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn ngày 08/06/2022, thửa đất số: 856, tờ bản đồ số: 46, diện tích 795m² đất ở nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Trên thửa đất này có một ngôi nhà và mái che nắng (ở phía Bắc ngôi nhà) của ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn. (Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 20044.01/22MB/HĐBĐ ngày 13/07/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị B, tỉnh Quảng Trị , địa chỉ: Số 102 QL9 , Kp 7, Phường K, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

- Ông H và bà Hn thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL208915, số vào sổ cấp GCN: CH01044 do UBND huyện CL cấp ngày

01/08/2018, thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 46, diện tích 401m², trong đó: 300m² đất ở và 101m² đất trồng cây hàng năm khác; địa chỉ thửa đất: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, trên thửa đất này, có một nhà vệ sinh không sử dụng được. (Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 20044/22MB/HĐBĐ ngày 20/07/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị B, tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: Số 102 QL9, Kp 7, Phường K, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

Do Công ty TNHH Một thành viên GDH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, cụ thể khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho HDBank kể từ kỳ trả nợ ngày 16/01/2023. Ngoài ra khoản vay của khách hàng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 14/7/2022 đã đến hạn tất toán ngày 14/01/2023; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 19/07/2022 đã đến hạn tất toán ngày 19/01/2023; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 20044/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 21/07/2022 đã đến hạn tất toán ngày 21/01/2023; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN04 ngày 22/07/2022 đã đến hạn tất toán ngày 22/01/2023. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, yêu cầu trả nợ nhưng Công ty TNHH Một thành viên GDH vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình, hiện toàn bộ khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã khởi kiện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong phát mãi tài sản bảo đảm nêu ở trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/7/2023, bà Hoàng Thị Hn (bà Hn đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Trị) với tư cách là Giám đốc của Công ty, đồng thời bà Hn vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Sau khi xem Thông báo về việc thụ lý vụ án số 03/TB-TLVA ngày 18/4/2023, bà Hn có ý kiến như sau: Về khoản tiền tính đến ngày 02/4/2023 bà Hn còn nợ Ngân hàng HDBank là 2.706.355.070 đồng. Hiện tại Doanh nghiệp bà Hn không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng, do vậy bà Hn đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản của cá nhân hai vợ chồng bà Hn đã thế chấp cho Ngân hàng HDBank để thu hồi nợ. Tài sản của vợ chồng bà Hn thế chấp cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT906678, số vào sổ cấp GCN: CS00093 do Sở TN&MT Quảng Trị cấp ngày 04/06/2020 cập nhật biến động sang tên ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn ngày 08/06/2022, thửa đất số: 856, tờ bản đồ số: 46 tại địa chỉ: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Và tài sản thứ hai là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL208915, số vào sổ cấp GCN: CH01044 do UBND huyện Cam Lộ cấp ngày 01/08/2018 cho ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn, thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 46 tại địa chỉ: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Trên thửa đất số: 856, tờ bản đồ số: 46, diện tích 795m² vợ chồng bà Hn có làm 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 mái che nắng ở phía bắc của ngôi nhà. Trên thửa đất số 443, có 01 ngôi nhà nhưng do nhà xuống cấp nên vợ chồng bà Hn đã tháo dỡ. Chỉ còn lại 01 nhà vệ sinh không sử dụng được. Đây là tài sản của hai vợ chồng bà Hn. Hiện tại, bà Hn đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại

Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị nên bà Hn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà với tư cách là Giám đốc Công ty và tư cách là cá nhân của bà Hn – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, thời gian trước đây Công ty TNHH MTV GDH do ông Trần Kim H chồng của bà Hn làm Giám đốc, sau đó bà Hn làm Giám đốc Công ty này, còn ông H là chủ sở hữu công ty.

Về phía ông Trần Kim H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo, quyết định của Tòa án cho ông Trần Kim H đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đăng thông báo tìm kiếm ông Trần Kim H trên các phương tiện thông tin đại chúng để ông H biết về tại Tòa án huyện Triệu Phong để giải quyết vụ án này nhưng ông H vẫn không có ý kiến, không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 299, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M. Buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền : 2.836.826.296 đồng, trong đó: Tiền gốc: 2.619.998.951 đồng, tiền lãi: 216.827.345 đồng. Buộc Công ty tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2023) cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng M.

Trong trường hợp Công ty không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của cá nhân ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH MTV GDH và yêu cầu Công ty trả số tiền đã vay của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, trường hợp Công ty không trả được nợ thì yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại huyện Triệu Phong nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho Công ty và cá nhân ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn nhưng bà Hoàng Thị Hn là Giám đốc Công ty cũng như cá nhân bà Hn và ông H đều vắng mặt ở nơi cư trú Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị và vắng mặt tại trụ sở Công ty ở TK4, thị trấn ÁT, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Qua xác minh tại Công an thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong thì ông H và bà không có mặt tại Công ty, không rõ đi đâu nên Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại Tòa án huyện Triệu Phong, trụ sở Công ty, UBND thị trấn ÁT và tại Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, trụ sở UBND xã Thanh An theo quy định của pháp luật. Ngày 22/5/2023, Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 12/6/2023 và tiến hành niêm yết thông báo này như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 12/6/2023, Tòa án tiến hành phiên họp nhưng vắng mặt cả đại diện Công ty và cá nhân ông H và bà Hn nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp. Ngày 02/6/2023, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với hai thửa đất và tài sản trên đất của ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn tại Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị có sự chứng kiến của UBND xã TA. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ có ông Trần Kim D là em ruột của ông Trần Kim H tham gia. Tòa án có hỏi ý kiến của ông Trần Kim D thì ông D cho biết ông là người quản lý tài sản của ông H và bà Hn sau khi bà Hn và ông H bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 05/6/2023, Tòa án ban hành Thông báo số 33/TB-TA ngày 05/6/2023 về việc tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Trần Kim D (em ruột của ông H) vì lý do ông D là người đang quản lý tài sản gồm nhà và đất của ông H và bà Hn và tổng đạt quyết định này cho Ngân hàng và ông Trần Kim Á là anh ruột của ông D và ông H. Ngày 20/6/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh tài sản trên đất của ông H và bà Hn đã thế chấp cho Ngân hàng thì chính quyền địa phương cho biết: tài sản trên đất gồm nhà ở và một nhà vệ sinh đã hư hỏng là của ông H và bà Hn. Ngày 15/6/2023, Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 05/7/2023 và tiến hành niêm yết thông báo này như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án đồng thời giao cho ông Trần Kim D nhưng không tổng đạt được cho ông D nên đã tổng đạt cho Trần Kim Ánh là anh ruột của ông D. Ngày 05/7/2023, Tòa án tiến hành phiên họp nhưng vắng mặt cả đại diện Công ty và cá nhân ông H và bà Hn, ông D nên Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và ra Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ. Đồng thời với việc niêm yết các văn bản tố tụng như nêu ở trên, theo yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án tiến hành thủ tục thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho ông H và bà Hn được biết. Ngày 10/7/2023, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa ngày 27/7/2023, tại phiên tòa đại diện Công ty và cá nhân bà Hn, ông H, ông D vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 15/8/2023 và tiến hành tổng đạt, niêm yết quyết định này như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty vắng mặt nhưng có ý kiến của bà Hn vừa là Giám đốc Công ty, vừa là cá nhân bà Hn xin giải quyết vắng mặt còn cá nhân ông H, ông D vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Ngân hàng M - Chi nhánh Quảng Trị đã cho Công ty TNHH Một thành viên GDH vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 20044/22MB/HĐTD ngày 13/07/2022. Số tiền mở hạn mức tín dụng: 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm triệu đồng), cụ thể các khoản vay được giải ngân tại các khế ước như sau: Khế ước nhận nợ 20044/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 14/07/2022: Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), ngày vay vốn 14/07/2022, ngày đến hạn 16/01/2023. Do quá hạn trả nợ nên vào ngày 01/02/2023, ngân hàng đã thu trên tài khoản công ty số tiền là 589 đồng tiền gốc và đến ngày 01/03/2023, ngân hàng đã thu trên tài khoản của công ty 460 đồng tiền gốc. Tổng số tiền gốc đã thu là 1.049 đồng. Số tiền gốc của khoản vay này còn lại là 999.998.951 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 15/01/2023 là: $1.000.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 21 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 5.178.081 \text{ đồng}$. Khoản tiền lãi này ngân hàng đã thu trên tài khoản công ty vào ngày 16/01/2023 với số tiền đã thu là: 329.209 đồng. Số tiền lãi trong hạn còn lại: 4.848.872 đồng. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 16/01/2023 đến ngày 31/01/2023 là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 16 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 5.917.808 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023 là: $999.999.411 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 28 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 10.356.158 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/03/2023 đến 15/08/2023 là: $999.998.951 \times 13,5\% \times 167 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 61.767.058 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi quá hạn gốc: 78.041.025 đồng. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 16/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $4.848.872 \text{ đồng} \times 10\% \times 211 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 280.305 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 83.170.202 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 19/07/2022: Số tiền vay vốn: 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng). Ngày vay vốn 19/07/2022, ngày đến hạn 19/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 19/01/2023. Số tiền gốc của khoản vay này còn đang quá hạn là 380.000.000 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 18/01/2023 là: $380.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 2.248.767 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 19/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $380.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 208 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 29.233.973 \text{ đồng}$. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 19/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $2.248.767 \text{ đồng} \times 10\% \times 208 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 128.149 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 31.610.889 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 21/07/2022: Số tiền vay vốn : 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngày vay vốn 21/07/2022, ngày đến hạn 27/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 27/01/2023. Số tiền gốc của khoản vay này còn đang quá hạn là 600.000.000 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là 9%/ năm. Số tiền lãi trong hạn: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/01/2023 là: $600.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 32 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 4.734.247 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn gốc: Lãi suất quá hạn gốc là 13,5%/năm. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: 600.000.000 đồng

$x 13,5\% \times 200 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 44.383.562 \text{ đồng}$. Lãi suất chậm trả lãi là $10\%/\text{năm}$. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $4.734.247 \text{ đồng} \times 10\% \times 200 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 259.411 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 49.377.220 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 20044/22MB/HĐTD/KUNN04 ngày 22/07/2022: Số tiền vay vốn: 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày vay vốn 22/07/2022, ngày đến hạn 27/01/2023. Đến hạn Công ty TNHH Một thành viên GDH không trả nợ và chuyển quá hạn từ ngày 27/01/2023. Số tiền gốc của khoản vay này còn đang quá hạn là 640.000.000 đồng. Về lãi suất: Lãi suất vay trong hạn là $9\%/\text{năm}$. Số tiền lãi trong hạn : từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/01/2023 là: $640.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 32 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 5.049.863 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn gốc : Lãi suất quá hạn gốc là $13,5\%/\text{năm}$. Số tiền lãi quá hạn gốc từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $640.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 200 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 47.342.466 \text{ đồng}$. Lãi suất chậm trả lãi là $10\%/\text{năm}$. Tiền lãi của khoản lãi chậm trả từ ngày 27/01/2023 đến ngày 15/08/2023 là: $5.049.863 \text{ đồng} \times 10\% \times 200 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 276.705 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của khoản vay này còn phải thanh toán đến ngày 15/08/2023 là: 52.669.034 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, các khoản vay trên Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền: 2.836.826.296 đồng, trong đó: tiền gốc: 2.619.998.951 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/8/2023 là: 216.827.345 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật được quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 5, 7, 8, 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản tiền vay nói trên, giữa Ngân hàng với ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 20044.01/22MB/HĐBĐ ngày 13/7/2022; Tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 906678, số vào sổ cấp GCN: CS 00093 do Sở TN&MT Quảng Trị cấp ngày 04/06/2020 cập nhật biên động chủ sử dụng đất là ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn vào ngày 08/6/2022, thửa đất số: 856, tờ bản đồ số: 46, diện tích 795m² tại địa chỉ: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Và hợp đồng thế chấp tài sản số 20044/22MB/HĐBĐ ngày 20/7/2022; Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 208915, số vào sổ cấp GCN: CH 01044 do UBND huyện CL cấp ngày 01/08/2018 cho vợ chồng bà Hn và ông H, thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 46, diện tích 401m², trong đó: 300m² đất ở và 101 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại địa chỉ: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị B công chứng và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện Cam Lộ đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại Điều 317, khoản 1 Điều 318, Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản này có hiệu lực pháp luật. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/7/2023, bà Hoàng Thị Hn là vợ ông Trần Kim H đồng ý để cho Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của cá nhân bà Hn và ông H đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ vì Công ty không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vắng mặt ông Trần Kim H là chồng của bà Hn, tuy nhiên Hội đồng xét xử

thấy rằng, đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của mình cho Ngân hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp. Tòa án đã áp dụng đầy đủ các thủ tục được Bộ luật tố tụng dân sự quy định như niêm yết công khai văn bản tố tụng, thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án phải giải quyết vụ án vắng mặt ông H. Mặt khác, bà Hn là vợ ông H sau khi xem Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án thì đồng ý toàn bộ số nợ. Bà Hn cho rằng toàn bộ số tiền vay của Ngân hàng là phục vụ cho Công ty. Hiện tại, Công ty không có tiền mặt để trả cho Ngân hàng nên bà Hn đồng ý đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản của vợ chồng bà Hn đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ là đúng với cam kết của bà Hn và ông H khi thế chấp tài sản của mình cho Ngân hàng. Do đó, mặc dù vắng mặt ông H tại phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của bà Hn là thể hiện trách nhiệm của bên vay đối với bên cho vay, bên thế chấp với bên nhận thế chấp tài sản và phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Bộ luật dân sự 2015 và lẽ công bằng được quy định tại khoản 3 Điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, trong trường hợp Công ty không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong phát mại tài sản thế chấp của cá nhân vợ chồng bà Hn và ông H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20044.01/22MB/HĐBĐ ngày 13/7/2022 và hợp đồng thế chấp tài sản số 20044/22MB/HĐBĐ ngày 20/7/2022 để thu hồi nợ. Theo hợp đồng thế chấp và ý kiến của bà Hn cũng như kết quả Tòa án huyện Triệu Phong đã thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2023 thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 906678, số vào sổ cấp GCN: CS 00093 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/06/2020 cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn vào ngày 08/06/2022, thửa đất số: 856, tờ bản đồ số: 46, diện tích 795m² đất ở nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Trên thửa đất này có một ngôi nhà và mái che nắng (ở phía Bắc ngôi nhà) của ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn. Và tài sản thứ hai là quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 208915, số vào sổ cấp GCN: CH 01044 do UBND huyện CL cấp ngày 01/08/2018 cho ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn, thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 46, diện tích 401m², trong đó: 300m² đất ở và 101 m² đất trồng cây hàng năm khác; địa chỉ thửa đất: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Trên thửa đất này, có một nhà vệ sinh không sử dụng được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2023, thì ngôi nhà của ông H và bà Hn do ông Trần Kim D là em ruột của ông Trần Kim H đang quản lý và sử dụng nên Tòa án đã đưa ông D vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tiến hành xác minh thì các tài sản ở trên là tài sản hợp pháp, thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập ông Trần Kim D nhiều lần nhưng ông D đều vắng mặt, không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa.

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với Công ty cũng như ông H và bà Hn nên người yêu cầu là Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền

2.700.000 đồng (Ngân hàng đã nộp) theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ đối với hai thửa đất và các loại tài sản có trên đất đã được bà Hn và ông H thế chấp cho Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đã chi phí cho việc thẩm định vào ngày 02/6/2023 với số tiền là 2.896.000: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là Công ty phải chịu khoản chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã nộp số tiền này. Do đó, cần buộc Công ty phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.896.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên Công ty phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2.836.826.296 đồng, được Tòa án chấp nhận nên Công ty phải chịu 88.736.547 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, làm tròn số 88.737.000 đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần vượt 2.000.000.000 đồng).

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, khoản 1 Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323; Điều 299, Điều 463; Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 5, 7, 8, 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M, buộc Công ty TNHH MTV GDH phải trả cho Ngân hàng M số tiền là: **2.836.826.296** đồng, trong đó: Tiền gốc: **2.619.998.951** đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/8/2023 là: **216.827.345** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết giữa Công ty TNHH MTV GDH với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp Công ty TNHH MTV GDH không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng M có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh

Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của cá nhân ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn gồm: Quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 906678, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00093 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/06/2020 cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn vào ngày 08/06/2022, thửa đất số: 856, tờ bản đồ số: 46, diện tích 795m² đất ở nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Trên thửa đất này có một ngôi nhà và mái che nắng (ở phía Bắc ngôi nhà) của ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn. Và tài sản thứ hai là quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 208915, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01044 do UBND huyện Cam Lộ cấp ngày 01/08/2018 cho ông Trần Kim H và bà Hoàng Thị Hn, thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 46, diện tích 401m², trong đó: 300m² đất ở và 101m² đất trồng cây hàng năm khác; địa chỉ thửa đất: Thôn KĐ, xã TA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị (trên thửa đất này, có một nhà vệ sinh không sử dụng được).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH MTV GĐH phải hoàn trả cho Ngân hàng M số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.896.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền này cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc Công ty TNHH MTV GĐH phải chịu 88.737.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.064.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000416 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng M đã nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa